



Chuyên viên Phân tích

**Đỗ Trung Nguyên**

[nguyendt@gtjas.com.vn](mailto:nguyendt@gtjas.com.vn)

(024) 35.730.073 - ext:702

## NHẬN ĐỊNH CHIẾN LƯỢC

Nối tiếp một tuần trước đó với những câu chuyện về sụp đổ ngân hàng, chúng ta vừa trải qua một tuần cực kỳ biến động, như một hệ quả tất yếu, với rất nhiều những diễn biến trên cả bình diện trong nước cũng như quốc tế. Ở bình diện quốc tế, thực sự là một tuần quá nhiều câu chuyện xảy đến, cụ thể:

- Cuộc khủng hoảng của hệ thống ngân hàng Mỹ tiếp diễn, và Cục dự trữ liên bang Mỹ (Fed) đã vào cuộc để hỗ trợ thanh khoản cho hệ thống với các công cụ cung cấp thanh khoản (cả cũ cả mới) của mình. Tuy nhiên, điều cần chú ý là các biện pháp hỗ trợ thanh khoản này dù có làm bằng cân đối của Fed mở rộng trở lại (thậm chí là rất nhiều) nhưng đó không phải là Nới lỏng định lượng (Quantitative easing – QE), và chỉ mang tính chất hỗ trợ thanh khoản trong trường hợp cần thiết.
- Credit Suisse, một ngân hàng rất lớn của Thụy Sĩ cũng như trên toàn cầu, cũng rơi vào trạng thái nguy hiểm trong tuần vừa qua, sau quãng thời gian dài vật lộn để tái cơ cấu nhiều năm gần đây. Credit Suisse sau đó nhận được khoản hỗ trợ của Ngân hàng trung ương Thụy Sĩ (SNB) và đến cuối cùng đã tiến hành sáp nhập với UBS, một ngân hàng lớn khác của Thụy Sĩ.
- Fed mở lại Swap line (một công cụ hỗ trợ thanh khoản USD của Fed cho các Ngân hàng trung ương khác trên thế giới) với một số ngân hàng trung ương lớn khác trên thế giới (trong đó có SNB).
- Lạm phát toàn phần của Mỹ vẫn đang giảm nhưng mức giảm không quá đáng kể, trong khi lạm phát cơ bản tiếp tục cho thấy mức tăng đáng kể so với tháng trước.
- Ngân hàng trung ương Châu Âu (ECB) đã đưa ra mức tăng lãi suất 0.5% trong bối cảnh lo ngại về sự bất ổn trong hệ thống tài chính gia tăng. Trong khi đó, Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc (PBoC) đã ra quyết định cắt giảm tỷ lệ dự trữ bắt buộc với hệ thống ngân hàng bớt 0.25%.
- Và một điều rất quan trọng, đó là mức độ biến động (volatility) trên các thị trường Trái phiếu chính phủ lớn trên thế giới, từ Mỹ đến Nhật Bản, Đức đã tăng vọt lên mức cao nhất trong rất nhiều năm – là điều cho thấy một sự bất ổn đáng lo ngại cho các loại tài sản an toàn vốn được sử dụng làm thế chấp (collateral) trong hệ thống kênh dẫn tài chính (financial plumbing) trên toàn thế giới.

Quay trở lại với những diễn biến trong nước, trong tuần vừa qua, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (SBV) đã đưa ra một quyết định khiến nhiều người cảm thấy bất ngờ, đó là giảm một số loại lãi suất điều hành của mình, trong đó đáng chú ý là các lãi suất trên thị trường hai. Hiểu một cách đơn giản, trong cách điều hành bằng một hành lang các loại lãi suất, từ sàn đến trần, thì SBV đã nói khoảng không gian ở phần trần của hành lang lãi suất ra, qua đó tạo thêm sự linh hoạt theo chiều xuống cho khu vực trần này (là khu vực mà lãi suất liên ngân hàng hiện tại vốn dĩ đang chạm kịch đến đó).

Những diễn biến quá phức tạp trên thị trường quốc tế đã khiến cho việc SBV giảm lãi suất điều hành chỉ gây được hiệu ứng tích cực đến thị trường trong vòn vẹn một phiên giao dịch, âu cũng là điều có thể hiểu được. Mọi sự chú ý sẽ đổ dồn vào cuộc họp Ủy ban thị trường mở liên bang trong vài ngày sắp tới đây của Fed, nơi mà những quyết định tiếp theo về lãi suất mục tiêu của Fed sẽ được đưa ra,



cũng như quan điểm của họ về tình hình hiện tại của hệ thống tài chính. Một điểm thú vị, và quan trọng, nên được biết đến, đó là trước khi mang trên mình hai trọng trách bình ổn lạm phát cũng như toàn dụng lao động, Fed được tạo ra nhằm hướng đến mục đích là ổn định hệ thống.

### CHIẾN THUẬT GIAO DỊCH

Thị trường đã có tuần giảm nhẹ trở lại. Quảng thời gian giao dịch ở vùng điểm hiện tại tiếp tục kéo dài, và như chúng tôi nhiều lần đề cập, vùng điểm hỗ trợ quan trọng đại diện cho xu hướng tăng trung hạn vẫn được giữ vững. Nếu vẫn duy trì quan điểm về kì vọng tăng trung hạn thì đây là thời điểm để giải ngân. Dù vậy, trước những diễn biến phức tạp của tình hình vĩ mô thì cũng cần có những sự tiết chế nhất định.

### DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ GUOTAI JUNAN VIỆT NAM

#### Danh mục Năm giữ (Holding portfolio)

Kỳ đầu tư: 6-18 tháng

| Mã cổ phiếu | Ngày ra khuyến nghị | Lần KN | Giá khi khuyến nghị | Khuyến nghị | Giá mục tiêu | Upside kỳ vọng | Upside còn lại | Vượt mục tiêu | Tổng biến động |
|-------------|---------------------|--------|---------------------|-------------|--------------|----------------|----------------|---------------|----------------|
| VHM         | 15/02/21            | 3      | 77,730              | Nắm giữ     | 81,800       | 5.2%           | 88.7%          |               | -22.7%         |
| NLG         | 23/08/21            | 1      | 35,830              | Nắm giữ     | 34,100       | -4.8%          | 43.0%          |               | -33.8%         |
| MWG*        | 06/08/21            | 3      | 56,500              | Nắm giữ     | 60,650       | 7.3%           | 53.9%          |               | 65.4%          |
| PNJ*        | 31/07/20            | 2      | 80,300              | Nắm giữ     | 85,400       | 6.3%           | 8.1%           |               | 56.7%          |
| SBT*        | 02/08/20            | 2      | 20,550              | Nắm giữ     | 24,000       | 16.8%          | 54.1%          |               | -21.1%         |
| QNS*        | 08/02/21            | 1      | 37,200              | Mua         | 54,000       | 45.2%          | 39.9%          |               | 3.8%           |

(\*): các cổ phiếu đã từng đạt giá mục tiêu của lần khuyến nghị hiện tại.

Lần khuyến nghị 1 là khuyến nghị lần đầu. Lần 2,3,...,n là các khuyến nghị điều chỉnh giá mục tiêu.

Tổng mức biến động được tính từ khi ra khuyến nghị lần đầu cho tới hiện tại.

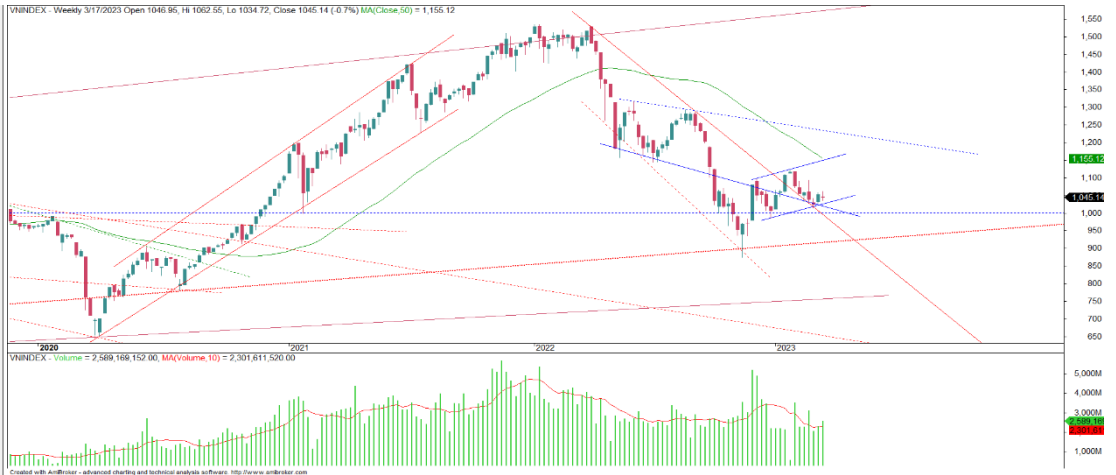
#### Danh mục Giao dịch (Trading portfolio)

Kỳ đầu tư: 3-6 tháng

| Mã cổ phiếu | Ngày ra khuyến nghị | Vùng giá mua    | Giá mục tiêu | Lợi nhuận kì vọng | Lãi/Lỗ hiện tại |
|-------------|---------------------|-----------------|--------------|-------------------|-----------------|
| VCB         | 2/8/2022            | 75,000 - 79,000 | 101,000      | 31.20%            | 15.6%           |
| BID         | 2/8/2022            | 37,000 - 40,000 | 52,000       | 35.10%            | 20.3%           |
| MBB         | 2/8/2022            | 21,667 - 22,917 | 30,000       | 34.60%            | -21.7%          |
| VND         | 2/8/2022            | 19,800 - 21,000 | 28,500       | 39.70%            | -26.5%          |
| VCI         | 2/8/2022            | 31,608 - 33,915 | 45,454       | 37.90%            | -10.1%          |
| HPG         | 2/8/2022            | 22,000 - 23,500 | 31,000       | 36.30%            | -10.3%          |
| NKG         | 2/8/2022            | 18,000 - 19,500 | 25,500       | 36.00%            | -16.3%          |
| PVD*        | 8/8/2022            | 17,000 - 18,600 | 22,700       | 27.50%            | 16.9%           |
| LHG         | 12/8/2022           | 37,000 - 40,000 | 58,000       | 50.65%            | -42.1%          |
| SNZ         | 12/8/2022           | 40,400 - 45,000 | 64,000       | 49.88%            | -50.8%          |
| VCI         | 12/8/2022           | 35,385 - 37,692 | 46,154       | 26.32%            | -19.4%          |
| PVS         | 23/8/2022           | 26,800 - 29,000 | 37,000       | 32.62%            | -9.0%           |
| PVC         | 23/8/2022           | 18,800 - 22,200 | 26,700       | 30.24%            | -28.3%          |



**VN-INDEX**



(Đồ thị tuần của VNIndex)



(Đồ thị ngày của VNIndex)

**Nhận định**

VNIndex có tuần giảm 0.7%, biên độ dao động cả tuần hẹp, mở cửa tuần thấp hơn tham chiếu và thấp hơn mức cao nhất tuần, đóng cửa tuần thấp hơn mở cửa tuần và cao hơn mức thấp nhất tuần, khối lượng giao dịch cả tuần cao hơn tuần liền trước và cao hơn trung bình.

Thị trường kết thúc tuần giao dịch ở nơi không quá khác biệt với nơi mà nó bắt đầu, thanh khoản cải thiện nhưng cũng không quá đáng kể. Sau khi bật tăng vào ngày thứ tư nhưng thất bại trong việc duy trì đà tăng sau đó thì thị trường có hai ngày liên tiếp mở cửa tích cực nhưng đóng cửa thì đều quay ra giảm điểm. Mức giảm trong ngày thứ sáu là thấp hơn so với ngày thứ năm nhưng tương quan cung cầu thì không thực sự chuyển biến. Nhìn chung nếu thị trường không duy trì được vùng điểm hiện tại thì cũng không quá bất ngờ, dù vậy thì mức giảm sẽ không quá lớn.

| Vai trò  | Vùng điểm của VNIndex  |
|----------|------------------------|
| Hỗ trợ   | 1,000 – 1,030          |
| Kháng cự | 1,150<br>1,230 – 1,250 |



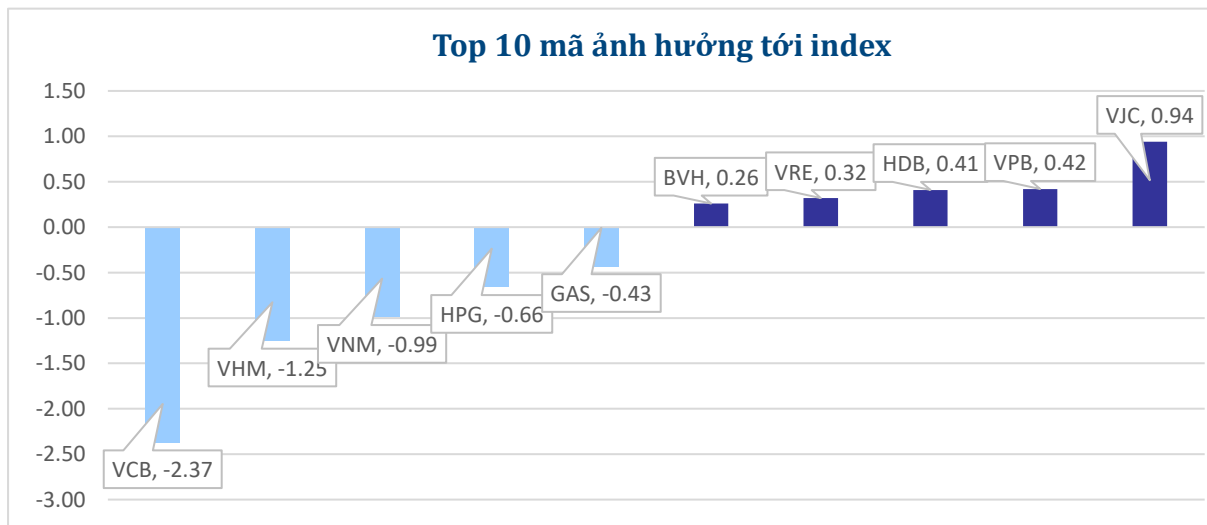
**FACTSET DỮ LIỆU THỊ TRƯỜNG NGÀY HÔM TRƯỚC**  
**BIẾN ĐỘNG NGÀY**

| Chỉ số        | Điểm số  | Biến động | Điểm  | Khối lượng GD (triệu CP) | Giá trị GD (tỷ đồng) | Số mã tăng | Số mã không đổi | Số mã giảm |
|---------------|----------|-----------|-------|--------------------------|----------------------|------------|-----------------|------------|
| VN - Index    | 1,045.14 | -0.22%    | -2.26 | 564.93                   | 10,289.4             | 187        | 83              | 178        |
| Vn30 - Index  | 1,047.71 | 0.07%     | 0.72  | 202.26                   | 5,071.8              | 16         | 3               | 11         |
| Vn - Mid      | 1,285.74 | 0.24%     | 3.09  | 266.57                   | 4,309.7              | 36         | 13              | 21         |
| VN - Small    | 1,108.33 | 0.20%     | 2.24  | 68.29                    | 767.2                | 81         | 41              | 90         |
| HNX - Index   | 204.47   | 0.14%     | 0.28  | 43.74                    | 674.2                | 76         | 74              | 187        |
| Upcom - Index | 76.43    | 0.54%     | 0.41  | 34.22                    | 220.7                | 145        | 114             | 130        |

**THANH KHOẢN NGÀY**

| Sàn | Giá trị giao dịch (tỷ đồng) | Thay đổi so với phiên trước | Khối lượng giao dịch (triệu CP) | Thay đổi so với phiên trước |
|-----|-----------------------------|-----------------------------|---------------------------------|-----------------------------|
| HSX | 10,289.40                   | 9.44%                       | 564.93                          | 6.00%                       |
| HNX | 674.23                      | -7.70%                      | 43.74                           | -9.42%                      |

**CỔ PHIẾU NỔI BẬT TRONG NGÀY**

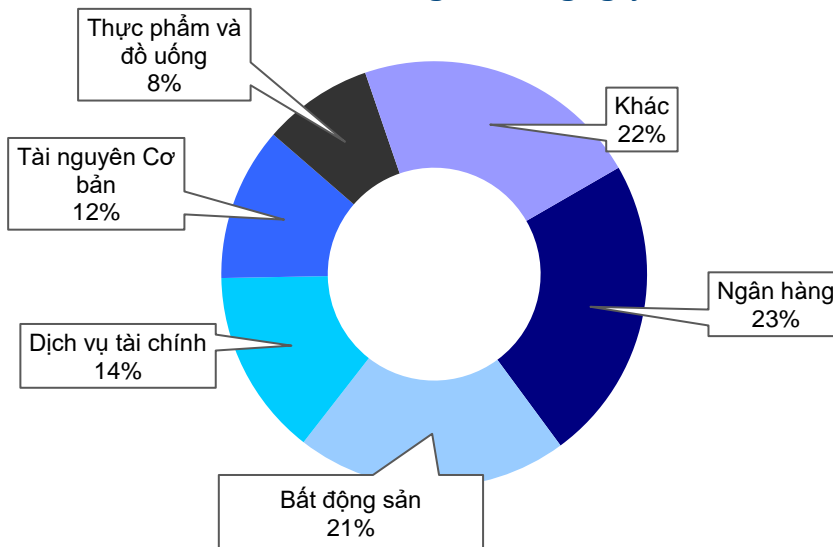


| Top KLGĐ (triệu cổ phiếu) | Top GTGD (tỷ đồng) | Đột biến khối lượng (%KL/KL10 phiên) | Top tăng điểm với thanh khoản cao (>10 tỷ) | Top giảm điểm với thanh khoản cao (>10 tỷ) |
|---------------------------|--------------------|--------------------------------------|--|--|
| HPG                       | HPG                | PLX                                  | VJC  | KDC  |
| SHB                       | STB                | SHB                                  | VPI  | PLX  |
| STB                       | SSI                | VCB                                  | VIX  | VHM  |
| VND                       | SHB                | DCM                                  | VHC  | VNM  |
| SSI                       | VND                | VIC                                  | DIG  | HPG  |

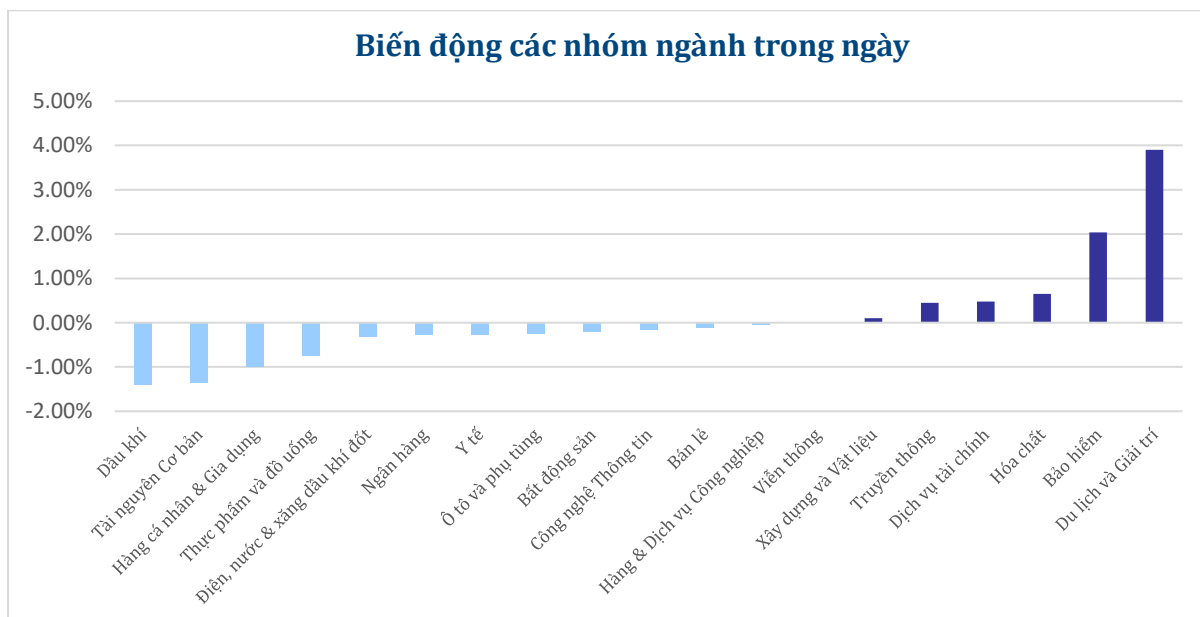


### NHÓM NGÀNH

**Thanh khoản ngành trong ngày**



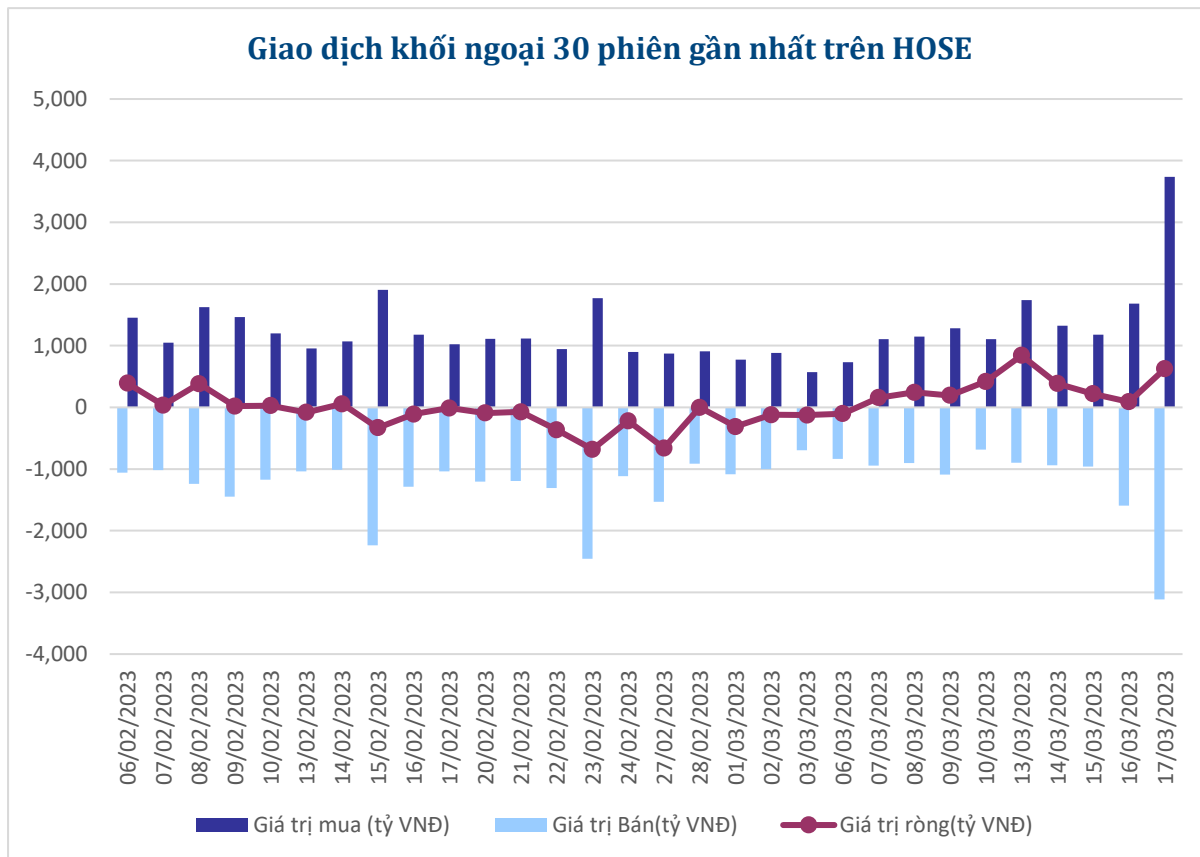
**Biến động các nhóm ngành trong ngày**





**GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI**

| Top CP mua ròng | Giá trị mua ròng (tỷ đồng) | Top CP bán ròng | Giá trị bán ròng (tỷ đồng) |
|-----------------|----------------------------|-----------------|----------------------------|
| SHB             | 185.28                     | HPG             | 398.67                     |
| NVL             | 126.92                     | STB             | 224.23                     |
| VND             | 124.53                     | VNM             | 140.88                     |
| SSI             | 103.97                     | PLX             | 77.36                      |
| DCM             | 101.95                     | VHM             | 64.60                      |





## THỐNG KÊ CÁC KHUYẾN NGHỊ ĐÃ ĐÓNG

### 1. Danh mục Giao dịch (Trading portfolio)

#### Các trạng thái đã chốt lời một phần của Danh mục

| Mã cổ phiếu | Ngày khuyến nghị | Vùng giá mua    | Giá mục tiêu | Cắt lỗ ở dưới | Giá đóng cửa tại ngày chốt | Lợi nhuận | Giá cao nhất từng đạt | Lợi nhuận cao nhất từng đạt |
|-------------|------------------|-----------------|--------------|---------------|----------------------------|-----------|-----------------------|-----------------------------|
| CEO*        | 06/04/21         | 13,000 – 13,700 | 19,000       | 11,900        | 70,800                     | 416.8%    | 76,500                | 458.4%                      |
| DIG*        | 08/04/21         | 25,667 – 26,522 | 40,211       | 23,186        | 97,000                     | 265.7%    | 104,500               | 294.0%                      |

#### Các trạng thái đã chốt lời của Danh mục

| Mã cổ phiếu | Ngày khuyến nghị | Vùng giá mua      | Giá mục tiêu | Cắt lỗ ở dưới | Risk: Reward Ratio | Lợi nhuận | Giá cao nhất từng đạt | Lợi nhuận cao nhất từng đạt |
|-------------|------------------|-------------------|--------------|---------------|--------------------|-----------|-----------------------|-----------------------------|
| BMC         | 11/10/21         | 25,200 – 27,200   | 45,200       | 21,100        | 1:3                | 1.1%      | 33,000                | 21.3%                       |
| TNG         | 24/08/21         | 22,833 – 24,120   | 31,833       | 21,481        | 1:3                | 36.8%     | 38,950                | 61.5%                       |
| SLS         | 18/08/21         | 131,000 – 147,000 | 212,000      | 125,000       | 1:3                | 2.0%      | 172,730               | 17.5%                       |
| BWE*        | 16/07/21         | 35,000 – 36,000   | 45,000       | 32,900        | 1:3                | 58.3%     | 62,000                | 72.2%                       |
| LAS*        | 21/06/21         | 13,000 – 14,000   | 19,000       | 11,800        | 1:2.3              | 78.6%     | 27,800                | 98.6%                       |
| ABI*        | 17/06/21         | 45,614 – 49,123   | 65,789       | 42,982        | 1:2.7              | 26.2%     | 68,000                | 38.4%                       |
| VND*        | 09/06/21         | 14,600 – 15,600   | 21,000       | 13,500        | 1:2.5              | 105.1%    | 36,250                | 132.4%                      |
| DPG*        | 31/05/21         | 26,500 – 27,929   | 42,571       | 24,000        | 1:4                | 199.0%    | 97,920                | 250.6%                      |
| GVR         | 28/05/21         | 26,300 – 29,500   | 48,400       | 23,900        | 1:3.5              | 25.1%     | 43,300                | 46.8%                       |
| BID         | 28/05/21         | 36,400 – 38,400   | 51,600       | 33,600        | 1:3                | 15.9%     | 49,950                | 30.1%                       |
| SSI*        | 20/05/21         | 21,000 – 22,300   | 27,850       | 19,700        | 1:2                | 81.6%     | 52,130                | 133.8%                      |
| SGR         | 12/05/21         | 25,500 – 28,500   | 44,000       | 24,000        | 1:3.5              | 35.2%     | 43,550                | 61.3%                       |
| BSR*        | 11/05/21         | 14,900 – 16,100   | 22,000       | 13,600        | 1:2.3              | 100.6%    | 33,500                | 108.1%                      |
| SMC*        | 11/05/21         | 29,000 – 31,250   | 41,670       | 25,850        | 1:2                | 12.6%     | 45,740                | 46.4%                       |
| BCG*        | 12/04/21         | 13,200 – 13,600   | 17,533       | 12,333        | 1:3                | 98.5%     | 28,850                | 112.1%                      |
| GMD*        | 07/04/21         | 33,800 – 35,000   | 53,800       | 32,700        | 1:5                | 68.6%     | 62,200                | 77.7%                       |
| STB*        | 30/03/21         | 19,500 – 21,000   | 28,500       | 18,300        | 1:3                | 61.9%     | 36,700                | 74.8%                       |
| TTF*        | 29/03/21         | 6,900 – 7,500     | 13,000       | 6,200         | 1:4                | 93.3%     | 17,950                | 139.3%                      |
| VIC*        | 26/03/21         | 96,900 – 101,300  | 128,900      | 95,100        | 1:4.5              | 6.6%      | 129,690               | 28.0%                       |
| VCB         | 18/03/21         | 74,530 – 76,250   | 97,000       | 72,700        | 1:6                | 18.0%     | 96,000                | 25.9%                       |
| GEG*        | 08/03/21         | 15,610 – 16,650   | 24,245       | 14,580        | 1:4                | 47.1%     | 27,360                | 35.1%                       |
| FCN*        | 08/03/21         | 13,700 – 14,700   | 21,700       | 13,100        | 1:4.5              | 97.3%     | 37,000                | 151.7%                      |
| PVD*        | 05/03/21         | 23,500 – 25,500   | 40,000       | 21,900        | 1:4                | 41.6%     | 33,580                | 58.0%                       |
| TIG*        | 05/03/21         | 7,545 – 8,455     | 13,636       | 7,273         | 1:4.5              | 172.0%    | 28,800                | 240.6%                      |
| GAS*        | 17/02/21         | 80,000 – 83,500   | 117,000      | 73,700        | 1:3.5              | 44.9%     | 130,440               | 56.2%                       |
| CNG*        | 17/02/21         | 19,900 – 21,000   | 29,500       | 18,600        | 1:3.5              | 119.0%    | 49,100                | 133.8%                      |
| CCL*        | 17/02/21         | 8,930 – 9,820     | 16,070       | 7,770         | 1:3                | 73.1%     | 18,570                | 89.1%                       |
| SAM*        | 17/02/21         | 10,730 – 11,590   | 21,555       | 9,770         | 1:5                | 81.2%     | 28,260                | 143.8%                      |
| LAF*        | 27/01/21         | 12,800 – 14,500   | 21,500       | 11,800        | 1:2.5              | 57.9%     | 27,000                | 86.2%                       |
| VSH*        | 25/01/21         | 18,000 – 19,700   | 30,000       | 16,900        | 1:3.5              | 132.0%    | 48,000                | 143.7%                      |
| MSR*        | 21/12/20         | 19,000 – 21,000   | 31,000       | 17,800        | 1:3                | 40.5%     | 34,300                | 63.3%                       |
| SFI*        | 09/12/20         | 29,200 – 31,000   | 46,500       | 27,700        | 1:5                | 153.2%    | 88,260                | 184.7%                      |
| PGV*        | 23/11/20         | 12,510 – 13,462   | 22,510       | 11,271        | 1:4                | 174.8%    | 42,290                | 85.6%                       |
| CKG*        | 19/11/20         | 8,230 – 8,650     | 11,300       | 7,890         | 1:3.5              | 283.8%    | 41,800                | 383.2%                      |
| DRI*        | 20/10/20         | 4,030 – 4,530     | 9,530        | 3,230         | 1:4                | 312.8%    | 20,780                | 358.7%                      |
| CEO*        | 06/04/21         | 13,000 – 13,700   | 19,000       | 11,900        | 1:3                | 508.0%    | 100,000               | 629.9%                      |
| DIG*        | 08/04/21         | 25,667 – 26,522   | 40,211       | 23,186        | 1:4                | 322.3%    | 125,200               | 372.1%                      |
| IDC*        | 28/05/21         | 36,000 – 38,500   | 56,000       | 33,000        | 1:3                | 55.1%     | 59,700                | 55.1%                       |
| SGP*        | 01/12/20         | 10,500 – 11,000   | 18,500       | 9,500         | 1:5                | 281.8%    | 42,000                | 281.8%                      |
| SMC*        | 30/10/20         | 11,200 – 12,000   | 16,000       | 11,000        | 1:4                | 33.3%     | 25,500                | 112.5%                      |
| G36*        | 05/11/20         | 9,160 – 9,830     | 13,300       | 8,770         | 1:3                | 35.3%     | 14,700                | 49.5%                       |
| LSS*        | 17/11/20         | 7,100 – 7,500     | 12,000       | 6,400         | 1:4                | 60.0%     | 12,100                | 61.3%                       |
| POS*        | 18/11/20         | 11,500 – 12,000   | 19,000       | 9,950         | 1:2.5              | 50.8%     | 20,500                | 62.7%                       |
| SAC*        | 01/12/20         | 8,800 – 9,500     | 14,700       | 8,300         | 1:4                | 54.7%     | 16,400                | 72.6%                       |





**Các trạng thái đã chốt lời sớm/cắt sớm**

| Mã cổ phiếu | Ngày khuyến nghị | Vùng giá mua  | Giá mục tiêu | Cắt lỗ ở dưới | Risk: Reward Ratio | Lợi nhuận | Giá cao nhất từng đạt | Lợi nhuận cao nhất từng đạt |
|-------------|------------------|---------------|--------------|---------------|--------------------|-----------|-----------------------|-----------------------------|
| LDG         | 22/10/20         | 6,600 – 6,800 | 10,300       | 6,100         | 1:5                | 23.1%     | 8,370                 | 23.1%                       |
| HAG         | 13/11/20         | 4,500 – 4,700 | 8,000        | 4,250         | 1:7                | 0.0%      | 6,450                 | 37.2%                       |
| PXS         | 17/11/20         | 6,000 – 6,400 | 11,000       | 5,300         | 1:4                | 0.0%      | 9,000                 | 40.6%                       |

**Các trạng thái đã cắt lỗ**

| Mã cổ phiếu | Ngày khuyến nghị | Vùng giá mua    | Giá mục tiêu | Cắt lỗ ở dưới | Risk: Reward Ratio | Mức lỗ | Giá cao nhất từng đạt | Lợi nhuận cao nhất từng đạt |
|-------------|------------------|-----------------|--------------|---------------|--------------------|--------|-----------------------|-----------------------------|
| VSH         | 09/11/20         | 20,500 – 21,000 | 30,000       | 18,900        | 1:4                | -10.0% | 19,281                | -8.2%                       |
| MFS         | 30/12/20         | 27,300 – 29,000 | 39,000       | 26,300        | 1:4                | -9.3%  | 33,900                | 16.9%                       |
| BWE         | 30/12/20         | 30,800 – 33,300 | 42,800       | 29,300        | 1:2.3              | -12.0% | 33,765                | 1.4%                        |
| CMX         | 31/12/20         | 17,000 – 18,500 | 25,000       | 16,200        | 1:3                | -12.4% | 20,000                | 8.1%                        |

**2. Danh mục Nắm giữ (Holding portfolio)**

**Các mã đã rút khỏi Danh mục**

| Mã cổ phiếu | Ngày ra khuyến nghị | Giá khi khuyến nghị | Giá mục tiêu | Upside kỳ vọng | Lợi nhuận | Lợi nhuận cao nhất từng đạt |
|-------------|---------------------|---------------------|--------------|----------------|-----------|-----------------------------|
| TDM*        | 30/07/21            | 30,050              | 40,000       | 33.1%          | 32.8%     | 41.1%                       |
| HAH*        | 03/08/21            | 34,300              | 42,100       | 22.7%          | 268.1%    | 469.9%                      |
| OCB*        | 02/08/21            | 24,300              | 27,700       | 14.0%          | 25.5%     | 53.0%                       |
| SZC*        | 23/04/21            | 35,750              | 41,000       | 14.7%          | 38.1%     | 144.3%                      |
| DHC*        | 30/10/20            | 34,440              | 38,760       | 17.1%          | 88.7%     | 171.2%                      |
| ACB*        | 05/02/21            | 22,830              | 29,110       | 27.5%          | 58.3%     | 69.8%                       |
| MBB*        | 11/06/21            | 29,185              | 32,593       | 11.7%          | 113.3%    | 175.7%                      |

**Các lần điều chỉnh giá mục tiêu**

| Mã cổ phiếu | Ngày ra khuyến nghị | Giá khi khuyến nghị | Giá mục tiêu cũ | Upside ban đầu | Tổng mức biến động | Ngày đóng khuyến nghị | Giá mục tiêu mới | Điều chỉnh giá mục tiêu |
|-------------|---------------------|---------------------|-----------------|----------------|--------------------|-----------------------|------------------|-------------------------|
| VHM*        | 31/05/21            | 75,820              | 75,550          | 0%             | 38.6%              | 15/02/22              | 81,800           | +8.3%                   |
| MWG*        | 08/02/21            | 128,500             | 154,500         | 20.2%          | 133.4%             | 06/08/21              | 184,000          | +19.1%                  |
| VHM*        | 16/11/20            | 76,600              | 88,315          | 15.3%          | 33.9%              | 31/5/21               | 102,300          | +15.8%                  |
| HAH*        | 31/05/21            | 28,200              | 35,100          | 24.5%          | 105.5%             | 03/08/21              | 60,000           | +70.9%                  |
| OCB*        | 20/05/21            | 20,720              | 24,800          | 19.7%          | 17.3%              | 02/08/21              | 27,700           | +11.7%                  |
| HAH         | 02/04/21            | 24,650              | 29,800          | 20.9%          | 14.4%              | 31/05/21              | 35,100           | +17.8%                  |
| MBB*        | 05/02/21            | 39,400              | 27,000          | 9.1%           | 130.6%             | 11/06/21              | 44,000           | +62.9%                  |
| SBT*        | 02/11/20            | 18,500              | 22,200          | 20.0%          | 11.1%              | 08/02/21              | 24,000           | +8.1%                   |
| ACB*        | 28/09/20            | 22,500              | 27,400          | 27.5%          | 26.7%              | 05/02/21              | 36,350           | +32.7%                  |
| VPB*        | 28/09/20            | 22,800              | 27,400          | 20.2%          | 62.3%              | 05/02/21              | 40,000           | +46.0%                  |
| MBB*        | 28/09/20            | 17,087              | 20,000          | 17.0%          | 44.8%              | 05/02/21              | 27,000           | +35.0%                  |
| MWG*        | 31/07/20            | 73,470              | 123,000         | 67.4%          | 74.9%              | 08/02/21              | 154,500          | +25.6%                  |
| PNJ*        | 31/07/20            | 51,000              | 74,200          | 45.5%          | 58.6%              | 08/02/21              | 86,000           | +15.9%                  |

(\*): các cổ phiếu đã từng đạt giá mục tiêu của lần khuyến nghị hiện tại.  
Lần khuyến nghị 1 là khuyến nghị lần đầu. Lần 2,3,...,n là các khuyến nghị điều chỉnh giá mục tiêu.  
Tổng mức biến động được tính từ khi ra khuyến nghị lần đầu cho tới hiện tại.





**XẾP HẠNG CỔ PHIẾU**

Chỉ số tham chiếu: **VN - Index.**

Kỳ hạn đầu tư: **6 đến 18 tháng**

| <b>Khuyến nghị</b>   | <b>Định nghĩa</b>   |
|----------------------|---|
| <b>Mua</b>           | Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng $\geq$ 15%<br>Hoặc công ty/ngành có triển vọng tích cực         |
| <b>Tích lũy</b>      | Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ 5% đến 15%<br>Hoặc công ty/ngành có triển vọng tích cực      |
| <b>Trung lập</b>     | Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ -5% đến 5%<br>Hoặc công ty/ngành có triển vọng trung lập     |
| <b>Giảm tỷ trọng</b> | Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ -15% to -5%<br>Hoặc công ty/ngành có triển vọng kém tích cực |
| <b>Bán</b>           | Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng nhỏ hơn -15%<br>Hoặc công ty/ngành có triển vọng kém tích cực   |

**XẾP HẠNG NGÀNH**

Chỉ số tham chiếu: **VN - Index**

Kỳ hạn đầu tư: **6 đến 18 tháng**

| <b>Xếp loại</b>     | <b>Định nghĩa</b>  |
|---------------------|--|
| <b>Vượt trội</b>    | Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index lớn hơn 5%<br>Hoặc triển vọng ngành tích cực      |
| <b>Trung lập</b>    | Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index từ -5% đến 5%<br>Hoặc triển vọng ngành trung lập  |
| <b>Kém hiệu quả</b> | Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index nhỏ hơn -5%<br>Hoặc triển vọng ngành kém tích cực |

**KHUYẾN CÁO**

Các nhận định trong báo cáo này phản ánh quan điểm riêng của chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này về mã chứng khoán hoặc tổ chức phát hành. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo và không nên xem báo cáo này là nội dung tư vấn đầu tư chứng khoán khi đưa ra quyết định đầu tư và Nhà đầu tư phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại nào là hệ quả phát sinh từ hoặc liên quan tới việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào được đề cập trong bản báo cáo này.

Chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này nhận được thù lao dựa trên các yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng và độ chính xác của nghiên cứu, phản hồi của khách hàng, yếu tố cạnh tranh và doanh thu của công ty. Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam và cán bộ, Tổng giám đốc, nhân viên có thể có một mối liên hệ đến bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này (hoặc trong bất kỳ khoản đầu tư nào có liên quan).

Chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này nỗ lực để chuẩn bị báo cáo trên cơ sở thông tin được cho là đáng tin cậy tại thời điểm công bố. Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam không tuyên bố hay cam đoan, bảo đảm về tính đầy đủ và chính xác của thông tin đó. Các quan điểm và ước tính trong báo cáo này chỉ thể hiện quan điểm của chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo tại thời điểm công bố và không được hiểu là quan điểm của Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam và có thể thay đổi mà không cần báo trước.

Báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin cho các Nhà đầu tư bao gồm nhà đầu tư tổ chức và nhà đầu tư cá nhân của Guotai Junan Việt Nam tại Việt Nam và ở nước ngoài theo luật pháp và quy định có liên quan rõ ràng tại quốc gia nơi báo cáo này được phân phối và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua, bán hay nắm giữ chứng khoán cụ thể nào ở bất kỳ quốc gia nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng Nhà đầu tư. Nhà đầu tư hiểu rằng có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này.

Nội dung của báo cáo này, bao gồm nhưng không giới hạn nội dung khuyến cáo không phải là căn cứ để Nhà đầu tư hay một bên thứ ba yêu cầu Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam và/hoặc chuyên viên chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào với Nhà đầu tư hay một bên thứ ba liên quan đến quyết định đầu tư của Nhà đầu tư và/hoặc nội dung của báo cáo này.

Bản báo cáo này không được sao chép, xuất bản hoặc phân phối lại bởi bất kỳ đối tượng nào cho bất kỳ mục đích nào mà không có sự cho phép bằng văn bản của đại diện có thẩm quyền của Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam. Vui lòng dẫn nguồn khi trích dẫn.



**GUOTAI JUNAN VIETNAM RESEARCH & INVESTMENT STRATEGY**

**Đỗ Trung Nguyên**

Chief Investment strategy

[nguyendt@gtjas.com.vn](mailto:nguyendt@gtjas.com.vn)

(024) 35.730.073 – ext:702

**Võ Thế Vinh**

Head of Research

[vinhvt@gtjas.com.vn](mailto:vinhvt@gtjas.com.vn) - ext:701



| LIÊN HỆ  | TRỤ SỞ CHÍNH<br>HÀ NỘI          | CHI NHÁNH<br>TP. HCM   |
|--|---------------------------------|--|
| Điện thoại tư vấn:<br>(024) 35.730.073   | P9-10, Tầng 1, Chamvit Tower    | Tầng 3, Số 2 BIS, Công Trường<br>Quốc Tế, P. 6, Q. 3, Tp.HCM |
| Điện thoại đặt lệnh:<br>(024) 35.779.999   | Điện thoại:<br>(024) 35.730.073 | Điện thoại:<br>(028) 38.239.966                              |
| Email: <a href="mailto:info@gtjas.com.vn">info@gtjas.com.vn</a><br>Website: <a href="http://www.gtjai.com.vn">www.gtjai.com.vn</a> | Fax: (024) 35.730.088           | Fax: (028) 38.239.696  |